

Số: /TB-BVPCCK

Bắc Kạn, ngày tháng 7 năm 2026

THÔNG BÁO

Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Di chuyển, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt lại tài sản, thiết bị tại các cơ sở làm việc

Kính gửi: Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Quang Đạt.

Căn cứ Quyết định số 208/QĐ-BVPCCK ngày 23/7/2026 của Bệnh viện Phùng Chí Kiên Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Di chuyển, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt lại tài sản, thiết bị tại các cơ sở làm việc;

Bệnh viện Phùng Chí Kiên, thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Di chuyển, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt lại tài sản, thiết bị tại các cơ sở làm việc, với các nội dung như sau:

1. Thông tin về nhà thầu trúng thầu

- Tên nhà thầu trúng thầu: Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Quang Đạt;
- Địa chỉ: Tổ 3, phường Đức Xuân, tỉnh Thái Nguyên;
- Số điện thoại: 0987001200;
- Mã số thuế: 4700280409.
- Giá trúng thầu: 120.395.371 đồng. (Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu, ba trăm chín mươi năm nghìn, ba trăm bảy mươi một đồng).
- Danh mục trúng thầu: (Có danh mục chi tiết kèm theo).
- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí thu từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Kế hoạch hoàn thiện, ký kết hợp đồng

Bệnh viện Phùng Chí Kiên, đề nghị Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Quang Đạt kiểm tra thông tin hàng hóa trúng thầu, cử đại diện đến để hoàn thiện và ký kết hợp đồng.

- Thời gian: Vào hồi 9h00, ngày 25/7/2026;
- Địa điểm: Tại Hội trường tầng III, Bệnh viện Phùng Chí Kiên;
- Địa chỉ: Tổ 8, phường Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên ;
- Điện thoại: 0209.3875.385.

Với nội dung trên, Bệnh viện Phùng Chí Kiên, xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

Gửi bản giấy

- Như Kg;
- BGĐ BV;
- Các Khoa, Phòng;
- Trang TTĐT (CNTT Hường);
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC

Hà Cát Trúc

DANH MỤC

(Kèm theo Thông báo số

/TB-BVPCK ngày 24 tháng 7 năm 2026 của Bệnh viện Phùng Chí Kiên)

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	SỞ Y TẾ CŨ				
1	Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo ngoài, chiều cao $\leq 16m$	100m ²	0,128	2.602.094	333.068
2	Tháo dỡ máy điều hoà cục bộ bằng thủ công	cái	11,000	198.919	2.188.109
3	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao $\leq 28m$	tấn	0,150	2.917.474	437.621
4	Tháo dỡ quạt trần bằng thủ công	cái	1,000	187.660	187.660
5	Sửa chữa Téc nước	cái	1,000	1.000.849	1.000.849
6	Lắp đặt van phao điện	cái	1,000	1.063.403	1.063.403
7	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p hàn - Đường kính 20mm	cái	3,000	45.499	136.497
8	Cắt cây cảnh bằng máy cắt	cây	2,000	1.688.933	3.377.866
9	Vận chuyển cây cảnh bằng xe cẩu tự hành	cây	2,000	2.502.122	5.004.244
II	KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN VÀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG				0
10	Lắp đặt máy điều hoà 2 cục - Loại máy Treo tường	máy	4,000	568.098	2.272.392
11	Bảo dưỡng điều hoà (bao gồm vệ sinh, bơm ga)	máy	6,000	750.637	4.503.822
12	Lắp đặt ống đồng dẫn ga nối bằng phương pháp hàn; đoạn ống dài 2m - Đường kính 9,5mm	100m	0,120	24.459.788	2.935.175
13	Lắp đặt ống đồng dẫn ga nối bằng phương pháp hàn; đoạn ống dài 2m - Đường kính 15,9mm	100m	0,120	27.859.371	3.343.125
14	Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 20mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 3,4mm	100m	0,360	5.579.796	2.008.727
15	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p hàn -	cái	4,000	45.499	181.996

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Đường kính 20mm				
16	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 4\text{mm}^2$	m	29,000	53.247	1.544.163
17	Lắp đặt dây dẫn 2 ruột $\leq 10\text{mm}^2$	m	45,000	88.218	3.969.810
18	Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$	m	55,000	30.533	1.679.315
19	Lắp đặt ống nhựa máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 27\text{mm}$	m	60,000	79.099	4.745.940
20	Lắp đặt các automat 1 pha $\leq 50\text{A}$	cái	3,000	149.188	447.564
21	Lắp đặt máy điều hoà 2 cục - Loại máy Tủ đứng	máy	2,000	899.334	1.798.668
22	Giá đỡ điều hoà (bao gồm vít)	bộ	2,000	250.212	500.424
23	Tháo dỡ máy điều hoà cục bộ bằng thủ công	cái	2,000	198.919	397.838
24	Vận chuyển về kho	cái	2,000	187.660	375.320
25	Lắp đặt chậu rửa 1 vòi	bộ	2,000	2.302.165	4.604.330
26	Lắp đặt vòi rửa 1 vòi	bộ	2,000	457.654	915.308
27	Gia công giá đỡ bằng inox	bộ	2,000	1.000.849	2.001.698
28	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 32mm	100m	0,180	2.099.431	377.898
29	Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 20mm bằng phương pháp hàn, chiều dài 3,4mm	100m	0,600	5.579.796	3.347.878
30	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 20mm	100m	0,300	2.774.596	832.379
31	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 40mm	100m	0,060	3.190.062	191.404
32	Lắp đặt ống nhựa PVC miệng bát, nối bằng p/p dán keo, đoạn ống dài 6m - Đường kính 60mm	100m	0,180	4.645.624	836.212
33	Lắp đặt cút nhựa miệng bát nối bằng p/p dán keo - Đường kính 65mm	cái	17,000	91.358	1.553.086

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
34	Lắp đặt cút nhựa nối bằng p/p hàn - Đường kính 20mm	cái	17,000	45.499	773.483
35	Lắp đặt âm thanh, loa đài	bộ	1,000	1.626.380	1.626.380
36	Lắp đặt quạt trần	cái	1,000	932.224	932.224
III	KHOA DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ				0
37	Bảo dưỡng điều hoà (bao gồm vệ sinh, bơm ga)	máy	3,000	750.637	2.251.911
38	Sửa chữa điều hoà (cảm biến, thay tụ, mạch)	máy	3,000	875.743	2.627.229
39	Thay mới điều khiển điều hoà	cái	1,000	312.766	312.766
40	Lắp đặt các automat 1 pha $\leq 50A$	cái	1,000	149.188	149.188
IV	PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP				0
41	Bảo dưỡng điều hoà (bao gồm vệ sinh, bơm ga)	máy	2,000	750.637	1.501.274
42	Thay mới điều khiển điều hoà	cái	1,000	312.766	312.766
V	KHOA XÉT NGHIỆM - CĐHA VÀ THĂM DÒ CHỨC NĂNG				0
43	Bảo dưỡng điều hoà (bao gồm vệ sinh, bơm ga)	máy	1,000	750.637	750.637
44	Sửa chữa điều hoà (cảm biến, thay tụ, mạch)	máy	1,000	875.743	875.743
VI	PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH - TÀI CHÍNH KẾ TOÁN				0
45	Bảo dưỡng điều hoà (bao gồm vệ sinh, bơm ga)	máy	4,000	750.637	3.002.548
46	Thay mới điều khiển điều hoà	cái	1,000	312.766	312.766
47	Tháo dỡ bộ âm thanh loa đài hiện có và vận chuyển đến khoa Y học cổ truyền	công	2,000	500.424	1.000.848
48	Vận chuyển bàn ghế, đồ đạc nội bộ bằng thủ công (đồ sau thay thế, tháo dỡ)	công	6,000	437.872	2.627.232

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
VII	KHOA NỘI TỔNG HỢP				0
49	Lắp đặt máy điều hoà 2 cục - Loại máy Treo tường	máy	1,000	568.098	568.098
50	Bảo dưỡng điều hoà (bao gồm vệ sinh, bơm ga)	máy	1,000	750.637	750.637
51	Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$	m	4,000	30.533	122.132
52	Lắp đặt ống nhựa máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 27\text{mm}$	m	4,000	79.099	316.396
53	Lắp đặt ống đồng dẫn ga nối bằng phương pháp hàn; đoạn ống dài 2m - Đường kính 9,5mm	100m	0,030	24.459.788	733.794
54	Lắp đặt ống đồng dẫn ga nối bằng phương pháp hàn; đoạn ống dài 2m - Đường kính 15,9mm	100m	0,030	27.859.371	835.781
55	Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 20mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 3,4mm	100m	0,120	5.579.796	669.576
VIII	KHOA KHÁM BỆNH - HỒI SỨC CẤP CỨU				0
56	Lắp đặt máy điều hoà 2 cục - Loại máy Treo tường	máy	4,000	568.098	2.272.392
57	Bảo dưỡng điều hoà (bao gồm vệ sinh, bơm ga)	máy	5,000	750.637	3.753.185
58	Tháo dỡ máy điều hoà cục bộ bằng thủ công	cái	1,000	198.919	198.919
59	Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$	m	8,000	30.533	244.264
60	Lắp đặt ống nhựa máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 27\text{mm}$	m	8,000	79.099	632.792
61	Lắp đặt các automat 1 pha $\leq 50\text{A}$	cái	4,000	149.188	596.752
62	Lắp đặt ống đồng dẫn ga nối bằng phương pháp hàn; đoạn ống dài 2m - Đường kính 9,5mm	100m	0,130	24.459.788	3.179.772
63	Lắp đặt ống đồng dẫn ga nối bằng phương pháp hàn; đoạn ống dài 2m - Đường kính 15,9mm	100m	0,130	27.859.371	3.621.718

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
64	Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 20mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 3,4mm	100m	0,200	5.579.796	1.115.959
IX	KHOA NGOẠI - SẢN				0
65	Lắp đặt máy điều hoà 2 cục - Loại máy Treo tường	máy	2,000	568.098	1.136.196
66	Bảo dưỡng điều hoà (bao gồm vệ sinh, bơm ga)	máy	2,000	750.637	1.501.274
67	Lắp đặt dây đơn $\leq 2,5\text{mm}^2$	m	15,000	30.533	457.995
68	Lắp đặt ống nhựa máng nhựa đặt nổi bảo hộ dây dẫn - Đường kính $\leq 27\text{mm}$	m	15,000	79.099	1.186.485
69	Lắp đặt các automat 1 pha $\leq 50\text{A}$	cái	2,000	149.188	298.376
70	Lắp đặt ống đồng dẫn ga nối bằng phương pháp hàn; đoạn ống dài 2m - Đường kính 9,5mm	100m	0,060	24.459.788	1.467.587
71	Lắp đặt ống đồng dẫn ga nối bằng phương pháp hàn; đoạn ống dài 2m - Đường kính 15,9mm	100m	0,060	27.859.371	1.671.562
72	Lắp đặt ống nhựa PPR đường kính 20mm bằng phương pháp hàn, chiều dày 3,4mm	100m	0,070	5.579.796	390.586
X	KHOA NHI - TRUYỀN NHIỄM				0
73	Tháo dỡ máy điều hoà cục bộ bằng thủ công	cái	1,000	198.919	198.919
74	Lắp đặt máy điều hoà 2 cục - Loại máy Treo tường	máy	1,000	568.098	568.098
75	Bảo dưỡng điều hoà (bao gồm vệ sinh, bơm ga)	máy	1,000	750.637	750.637
76	Phá dỡ nền gạch lá nem	m ²	5,000	24.255	121.275
77	Lát nền, sàn tiết diện gạch $\leq 0,16\text{m}^2$, vữa XM M75, XM PCB30	m ²	5,000	265.531	1.324.525
78	Vận chuyển bằng thủ công 10m khối điểm - Vận chuyển phế thải các loại	m ³	0,500	51.540	25.770
79	Vận chuyển bằng thủ công 10m tiếp	m ³	0,500	5.456	2.728

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	theo - Vận chuyển phế thải các loại				
80	Vận chuyển phế thải trong phạm vi 1000m bằng ô tô - 2,5T	m3	0,500	43.384	21.692
81	Lắp dựng cửa nhôm hệ (bao gồm phụ kiện bản lề, khoá...) và gia cố vách kính	m2	3,173	3.627.077	11.508.715
	Tổng cộng				120.395.371
<i>Bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu, ba trăm chín mươi năm nghìn, ba trăm bảy mươi một đồng./.</i>					